

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

Chữ Thị Nhuận

CHỦ QUYỀN QUỐC GIA TRONG
XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

Chuyên ngành: Luật quốc tế

Mã số: 603860

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

hà nội - 2011

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS.GVC. NGUYỄN LAN NGUYỄN

Phản biện 1: PGS. TS. Đoàn Năng

Phản biện 2: TS. Nguyễn Văn Bính

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi ...7. giờ .., ngày ..15.. tháng ..12... năm 2011.

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

Mục lục	2
Mở đầu	3
Chương 1. Khái quát chung về chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá	7
1.1. Khái quát về chủ quyền quốc gia.....	7
1.1.1. Các học thuyết cổ điển về chủ quyền quốc gia.....	7
1.1.2. Chủ quyền quốc gia theo quan niệm hiện nay.....	8
1.2. Khái quát về toàn cầu hoá.....	8
1.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của toàn cầu hoá.....	8
1.2.2. Mặt tích cực và tiêu cực của toàn cầu hoá đối với sự phát triển của quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ kinh tế thương mại nói riêng	10

1.3. Mối quan hệ biện chứng giữa chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá.	11
1.3.1. Tác động của quá trình toàn cầu hoá đối với chủ quyền quốc gia	11
1.3.2. Tác động của chủ quyền quốc gia đối với quá trình toàn cầu hoá.....	13
Chương 2. Vấn đề chủ quyền quốc gia với kinh nghiệm của các nước EU trong quá trình toàn cầu hoá.	13
2.1 Xu hướng hội nhập vào EU- thuận lợi và thách thức về chủ quyền quốc gia.....	13
2.1.1. Xu hướng hội nhập vào EU.....	13
2.1.2. Thuận lợi và thách thức.....	15
2.2 Xu hướng nói không với hội nhập EU- thuận lợi và thách thức về chủ quyền quốc gia.....	16
2.2.1. Xu hướng nói không với hội nhập EU.....	16
2.2.2. Thuận lợi và thách thức.....	
2.3. Kinh nghiệm cho các nước trong quá trình hội nhập vào khu vực vào quốc tế.....	17
2.3.1. Sự lựa chọn đúng đắn: Chủ quyền quốc gia vì mục tiêu toàn cầu hóa.....	17
2.3.2. Vai trò của nhà nước trong thời đại toàn cầu hóa.....	18
Chương 3. Việt Nam với vấn đề chủ quyền quốc gia trong quá trình hội nhập khu vực và thế giới	19
3.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về chủ quyền quốc gia và hội nhập quốc tế.....	19
3.2 Những thuận lợi và thách thức của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.....	20
3.2.1. Những thuận lợi của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.....	20
3.2.2. Những thách thức của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.....	20
3.3. Một số biện pháp bảo vệ chủ quyền quốc gia Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.....	21
3.3.1. Các biện pháp trong lĩnh vực ngoại giao	21
3.3.2. Các biện pháp trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh chính trị.....	21
3.3.3. Các biện pháp trong lĩnh vực kinh tế.....	22
3.3.4. Các biện pháp trong lĩnh vực văn hoá-tư tưởng	23
3.3.5. Áp dụng pháp luật quốc tế để bảo vệ chủ quyền quốc	23

gia.....	
Kết luận.....	24

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chủ quyền quốc gia là thuộc tính chính trị - pháp lý không thể tách rời của quốc gia. Bảo vệ chủ quyền quốc gia là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của mọi Nhà nước, trong mọi giai đoạn phát triển của lịch sử. Sự ra đời, tồn tại, vận động và phát triển của Nhà nước với thuộc tính chủ quyền quốc gia luôn chịu sự tác động, chi phối của quá trình vận động và phát triển mạnh mẽ của đời sống xã hội trong nước và quốc tế đặc biệt là xu thế toàn cầu hóa. Đây là một hiện tượng lịch sử với những nguyên nhân khách quan và chủ quan xuất phát từ quá trình vận động và phát triển của lịch sử nhân loại.

Ngày nay, không thể phủ nhận rằng toàn nhân loại, mỗi quốc gia, mỗi đơn vị kinh tế và mỗi người dân đang chịu ảnh hưởng sâu sắc từ xu thế phát triển khách quan của toàn cầu hoá. Quá trình toàn cầu hoá là hiện tượng mới mẻ của lịch sử, bắt đầu từ lĩnh vực tài chính, thương mại và đầu tư, đang lan rộng ra các lĩnh vực khác của nền kinh tế và có tác động sâu sắc tới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như chính trị, văn hoá, xã hội... Tác động của toàn cầu hoá đối với chủ quyền quốc gia cũng được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực đó.

Trước sự tác động mạnh mẽ của toàn cầu hoá đối với đời sống xã hội như vậy có nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này.

- Quan điểm thứ nhất cho rằng: Toàn cầu hoá xu thế rất tích cực cho sự phát triển của mỗi quốc gia.
- Quan điểm thứ hai cho rằng: Toàn cầu hoá là một xu thế tiêu cực nó làm ảnh hưởng tới mọi lĩnh vực xã hội của mỗi quốc gia, nó làm ảnh hưởng tới những giá trị chuẩn mực của đời sống, làm sứt mòn những giá trị tốt đẹp của nhân loại.

- Quan điểm thứ ba cho rằng: Trong xu thế toàn cầu hoá chủ quyền quốc gia không còn tuyệt đối nữa mà chỉ tương đối. Toàn cầu hoá dần dần sẽ làm xoá bỏ đi ranh giới giữa các quốc gia, các quốc gia sẽ không còn biên giới lãnh thổ và lúc đó tất cả loài người đang sống trên hành tinh này là một quốc gia thống nhất.

Với những quan điểm về tác động của toàn cầu hoá đối với chủ quyền quốc gia như vậy. Đòi hỏi những nhà nghiên cứu phải có cái nhìn toàn diện về mọi khía cạnh của chủ quyền quốc gia dưới tác động của toàn cầu hoá, từ đó đưa ra được sự nhìn nhận chung và đề ra được những biện pháp tổng thể nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia. Nhận thức được tầm quan trọng và tính thời sự của vấn đề này, tác giả đã mạnh dạn chọn đề tài **“Chủ quyền quốc gia trong xu thế toàn cầu hoá”** là đề tài nghiên cứu tốt nghiệp cao học Luật, chuyên ngành Luật quốc tế của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Chủ quyền quốc gia được đề cập thường xuyên trong nghiên cứu và giảng dạy về Nhà nước và pháp luật, đặc biệt là ngành Luật quốc tế. Trong các giáo trình luật quốc tế của các trường đại học đều có trình bày về chủ quyền quốc gia trong các chương như chủ thể của luật quốc tế. Trong các tác phẩm của các luật gia Tư sản như cuốn Tinh thần pháp luật của Montesquieu, bàn về khế ước xã hội, chủ quyền quốc gia cũng được quan tâm nghiên cứu. ở Việt Nam cũng có nhiều tác giả có những công trình nghiên cứu về chủ quyền quốc gia, như TS. Nguyễn ngọc đào với bài viết: Bàn về nội dung một số lý thuyết xung quanh vấn đề chủ quyền nhà nước, in trong cuốn tạp chí Luật học, số 4 năm 1998. NXB Chính trị quốc gia đã phát hành cuốn “Chủ quyền kinh tế trong một thế giới đang toàn cầu hoá”, cuốn sách này là tập hợp các bài phát biểu tại hội nghị cùng tên diễn ra tại Băng cốc – Thái Lan vào tháng 3 năm 1999, nhằm mục đích xây dựng kinh tế học lấy nhân dân làm trung tâm cho thế kỷ XXI. Thực chất cuốn sách này chỉ nhìn nhận dưới góc độ kinh tế học chứ không phải là luật học, không giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ quyền quốc gia. Như vậy, ở Việt Nam, tác giả chưa thấy có một công trình nào đề cập tới chủ quyền quốc gia một cách thực sự đầy đủ và có hệ thống.

Vấn đề toàn cầu hoá hiện nay đang thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu trong nước cũng như quốc tế. Ở Việt Nam có nhiều cuốn sách nói về toàn cầu hoá như: cuốn Toàn cầu hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn của GS,TS.Lê Hữu Nghĩa – TS. Lê Ngọc Tông (đồng chủ biên) NXB Chính trị Quốc gia, năm 2004, cuốn sách đề cập đến những đặc điểm chủ yếu, những xu thế lớn của thế giới và triển vọng hai thập niên đầu thế kỷ XXI. Cuốn “toàn cầu hoá quan điểm và thực tiễn kinh nghiệm quốc tế, do NXB Thống kê phát hành năm 1999, cuốn sách đề cập đến những quan điểm khác nhau của những lực lượng, những trào lưu tư tưởng và hành động chính yếu trên thế giới về toàn cầu hoá. Cuốn “Toàn cầu hoá dưới góc nhìn khác nhau” do NXB Chính trị Quốc gia phát hành năm 2005, cuốn sách bao gồm những bài viết của các tác giả trong và ngoài nước lập luận về toàn cầu hoá, có ý kiến phê phán hết sức gay gắt thể hiện quan điểm riêng của các tác giả. Bên cạnh đó các tạp chí chuyên ngành cũng cho đăng tải nhiều bài viết về toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, đáng chú ý là Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Nghiên cứu lý luận, Tạp chí nhà nước và pháp luật, Tạp chí nghiên cứu lập pháp... Tóm lại vấn đề toàn cầu hoá được nhìn nhận từ rất nhiều góc độ khác nhau, được phân

tích về các tác động của nó đối với nhiều hiện tượng khác nhau của đời sống xã hội, nhưng cũng chưa có tác giả nào nêu được một cách toàn diện về sự tác động của toàn cầu hoá đối với chủ quyền quốc gia đặc biệt chưa tác giả nào đi sâu nghiên cứu vấn đề chủ quyền quốc gia của một số nước trong Liên minh Châu Âu bị tác động như thế nào khi họ gia nhập tổ chức này, từ đó rút ra được những bài học kinh nghiệm gì cho Việt Nam và các nước khi tham gia hội nhập vào khu vực và thế giới.

3. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

Mục đích thực hiện đề tài: Tổng hợp và phân tích những quan điểm khoa học về chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá, phân tích những tác động của toàn cầu hoá đối với chủ quyền quốc gia. Nghiên cứu những thuận lợi và thách thức đối với vấn đề chủ quyền của một số nước thành viên EU khi gia nhập vào tổ chức này và trên cơ sở nghiên cứu quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về toàn cầu hoá tác giả đưa ra một số kinh nghiệm mà Việt Nam và các nước có thể tham khảo khi tham gia vào quá trình hội nhập vào khu vực và thế giới.

Với việc hoàn thiện luận văn này tác giả mong muốn góp một phần sức lực của mình trong nghiên cứu và giảng dạy đặc biệt là trong ngành luật quốc tế

Nhiệm vụ của đề tài:

- Làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về chủ quyền quốc gia. Cụ thể hệ thống được những quan điểm, học thuyết cổ điển về chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá. Phân tích và những quan điểm hiện đại về chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá, từ đó đưa ra một định nghĩa khoa học về chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá. Phân tích, đánh giá tác động của toàn cầu hóa đối với mọi mặt của đời sống xã hội trong nước cũng như quốc tế.

- Trên cơ sở nghiên cứu mô hình nhà nước Liên minh Châu Âu chỉ ra được vấn đề chủ quyền quốc gia của một số nước thành viên bị tác động như thế nào khi gia nhập vào mô hình này, từ đó rút ra được những kinh nghiệm gì cho Việt Nam và các quốc gia khác khi gia nhập vào ASEAN nói riêng và thế giới nói chung.

- Phân tích quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề hội nhập trong xu thế toàn cầu, tổng kết những thành tựu mà Việt Nam đã đạt được trong quá trình hội nhập quốc tế, phân tích những thuận lợi và khó khăn mà Việt Nam đã và sẽ phải đối mặt trong thời gian tới từ đó đưa ra những biện pháp nhằm bảo đảm chủ quyền quốc gia Việt Nam trong xu hướng hội nhập.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận về chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá, Tác động của toàn cầu hoá đối với chủ quyền quốc gia, chủ quyền quốc gia của một số nước trong Liên minh Châu Âu khi gia nhập tổ chức này, nghiên cứu quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề hội nhập trong xu thế toàn cầu hoá.

Phạm vi nghiên cứu: trong khuôn khổ một luận văn thạc sỹ, thời gian nghiên cứu có hạn bên cạnh đó nguồn tài liệu chưa phong phú tác giả không có tham vọng giải quyết sâu sắc, triệt để mọi vấn đề về chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá và mối quan hệ giữa chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá. Trọng phạm vi luận văn, tác giả đề cập đến những vấn đề lý luận cơ bản về chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá, thấy được mối quan hệ qua lại giữa chúng. Về mặt thực tiễn tác giả đi nghiên cứu mô hình của Liên minh Châu Âu để chỉ ra được những thuận lợi và thách thức về mặt chủ quyền khi một quốc gia tham gia vào một tổ chức hay nói cách khác khi một quốc gia hội nhập vào khu vực hay thế giới trong xu hướng toàn cầu hoá thì gặp những thuận lợi và thách thức gì về chủ quyền. Về ứng dụng đối với Việt Nam hội nhập vào khu vực và thế giới là một nhu cầu tất yếu, vì vậy tác giả đi nghiên cứu quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong vấn đề này và từ đó

mạnh dạn đưa ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình hội nhập mà vẫn bảo đảm được chủ quyền quốc gia.

4. Phương pháp nghiên cứu.

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, kết hợp hiệu quả với các phương pháp khoa học truyền thống khác như phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, logic, lịch sử...

5. Những đóng góp mới của luận văn

Luận văn đi tổng hợp, phân tích một cách có hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về chủ quyền quốc gia, phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa toàn cầu hoá và chủ quyền quốc gia, từ đó thấy được những tác động mà quá trình toàn cầu hoá đem lại đối với chủ quyền quốc gia.

Trên cơ sở nghiên cứu mô hình của Liên minh Châu Âu để thấy được sự được và mất gì về chủ quyền quốc gia khi các thành viên tham gia vào tổ chức này. Từ đó tác giả rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình hội nhập vào khu vực và thế giới.

6. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo. Luận văn được kết cấu làm 3 chương, cụ thể: Chương 1: Khái quát chung về chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá; Chương 2: Vấn đề chủ quyền quốc gia với kinh nghiệm của các nước EU trong quá trình toàn cầu hoá; Chương 3: Việt Nam với vấn đề chủ quyền quốc gia trong quá trình hội nhập khu vực và thế giới.

Chương 1

Khái quát chung về chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá

1.1. Khái quát về chủ quyền quốc gia.

Chủ quyền quốc gia là một thuộc tính chính trị - pháp lý, là cơ sở của nền độc lập chính trị, kinh tế của quốc gia. Chủ quyền quốc gia không chỉ thu hút sự quan tâm của các triết gia, chính trị gia, luật gia và của những người làm công tác nghiên cứu và hoạt động trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, mà chủ quyền quốc gia ngày nay còn được nhắc tới thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng, nó gợi dậy sự tìm hiểu của bất kỳ ai quan tâm đến vấn đề thời sự này. Tuy nhiên khái niệm chủ quyền quốc gia là một khái niệm rất trừu tượng, phức tạp, gây nên sự tranh luận giữa các nhà triết học, luật học và chính trị học và là một khái niệm được giải thích khác nhau theo cách nhìn nhận của người giải thích. Sau đây tác giả đi tìm hiểu các học thuyết khác nhau về chủ quyền quốc gia.

1.1.1. Các học thuyết cổ điển về chủ quyền quốc gia.

Bối cảnh hình thành các học thuyết về chủ quyền quốc gia là vào thời kỳ quân chủ chuyên chế ở Tây Âu khoảng thế kỷ XV-XVI. Trong thời kỳ này, với sự tập trung quyền lực vào tay nhà vua, xã hội Tây Âu lúc đó đã lâm vào tình trạng khủng hoảng, mâu thuẫn gay gắt giữa giai cấp phong kiến với các giai tầng khác của xã hội, đặc biệt là giai cấp Tư sản đang phát triển mạnh mẽ. Những nhà tư tưởng thời kỳ này đã đưa ra hàng loạt các quan điểm tiến bộ nhằm giải phóng con người, chống lại sự cai trị độc đoán, chuyên quyền của giai cấp phong kiến và sự chú ý được tập trung vào các vấn đề như quyền lực chính trị trong xã hội có Nhà nước và pháp luật. Các học thuyết này tồn tại và phát triển qua giai đoạn cực thịnh của chủ nghĩa tư bản. Chính các học thuyết này có ảnh hưởng đến quan niệm chủ quyền quốc gia hiện nay, trong đó tiêu biểu là các học thuyết về chủ quyền quốc gia như:

- Học thuyết chủ quyền tuyệt đối
- Học thuyết chủ quyền độc lập

1.1.1.1. Học thuyết chủ quyền tuyệt đối.

Học thuyết chủ quyền tuyệt đối ra đời ở Tây Âu vào thế kỷ XV- XVI nhằm chống lại Giáo hoàng và Hoàng đế. Những người đại diện cho học thuyết này là J. Bondin, Machiaveli, H.Grotius,...

Ông cho rằng chủ quyền quốc gia phải tuyệt đối, và phải được đặt trên mọi quyền lực khác. Điều này có nghĩa Nhà cầm quyền nếu muốn bành trướng quyền lực có thể vận dụng tất cả các phương thức, thủ đoạn kể cả những thủ đoạn xảo quyệt, trái với luân thường đạo lý. Chủ nghĩa phát xít Đức cũng đã dựa vào học thuyết về chủ quyền tuyệt đối để biện minh cho chế độ độc tài phát xít của mình gây ra đại chiến thế giới thứ hai [54, tr6]

1.1.1.2. Học thuyết chủ quyền độc lập

Đại diện tiêu biểu cho học thuyết này là Charles Rousseau. Theo ông, chủ quyền quốc gia đồng nghĩa với sự độc lập của quốc gia đó. Trong tác phẩm của mình, Ông giải thích hai khái niệm “ chủ quyền” và “độc lập” có nhiều điểm tương đồng, nhất là ba thuộc tính sau: Quyền lực toàn vẹn, quyền lực chuyên biệt và quyền lực tự chủ quốc gia. Theo quan niệm này, chủ quyền quốc gia phải toàn vẹn, chính quyền được phép can thiệp vào mọi lĩnh vực xét thấy có lợi cho sự tồn tại và phát triển bền vững của quốc gia. Chủ quyền quốc gia phải

độc chuyên trên toàn bộ lãnh thổ của mình, trừ trường hợp quốc gia muốn tự mình hạn chế độc quyền này bởi những cam kết quốc tế với nước ngoài và các tổ chức quốc tế. Chủ quyền quốc gia phải tự chủ, không lệ thuộc vào một quốc gia nào trong quan hệ đối nội và đối ngoại

Trên đây là hai học thuyết tiêu biểu nhất về chủ quyền quốc gia được hình thành và phát triển trong thời kỳ giai cấp tư sản đang lớn mạnh và đấu tranh quyết liệt với giai cấp phong kiến giành quyền lực về chính trị.

Một số học thuyết khác về chủ quyền quốc gia

Trong lịch sử pháp luật quốc tế còn tồn tại nhiều học thuyết khác về chủ quyền quốc gia như:

- Thuyết chủ quyền tối đa
- thuyết về chủ quyền đối ngoại của những nước tham gia Công ước Montevideo năm 1933 về quyền và nghĩa vụ của quốc gia
- Thuyết chủ quyền nhân dân

1.1.2. Chủ quyền quốc gia theo quan niệm hiện nay

Trên cơ sở kế thừa những điểm hợp lý, khoa học của những học thuyết cổ điển về chủ quyền quốc gia, quan điểm hiện đại lý giải khái niệm chủ quyền được nhìn nhận chủ yếu dưới hai góc độ đó là quyền tối cao của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ và quyền độc lập của quốc gia trong quan hệ quốc tế. Để làm rõ khái niệm này ta đi vào phân tích cụ thể từng khía cạnh của khái niệm như sau:

- Quyền tối cao của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ

Quan điểm hiện đại cho rằng, quyền tối cao của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ có nghĩa là trên lãnh thổ của mình chỉ có quốc gia mới có đầy đủ quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp tối cao. Quyền lực tối cao đó của quốc gia cho phép loại trừ mọi quyền lực khác của nước ngoài trên lãnh thổ của mình và là căn cứ để quốc gia giải quyết mọi vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng... trong phạm vi lãnh thổ của mình, không một thế lực nào từ bên ngoài được phép dùng sức ép về chính trị, quân sự, kinh tế để can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia dưới mọi hình thức. Quốc gia có toàn quyền trong việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mình, bảo vệ đường biên giới quốc gia mình, chống lại mọi hành vi xâm phạm chủ quyền quốc gia phù hợp với nguyên tắc và quy phạm pháp luật quốc tế.

- Quyền độc lập của quốc gia trong quan hệ quốc tế

Trong quan hệ quốc tế, quyền độc lập của quốc gia thể hiện qua quyền tự quyết mọi vấn đề đối nội và đối ngoại của quốc gia không có sự áp đặt từ các chủ thể khác, trên cơ sở sự tôn trọng chủ quyền của mọi quốc gia trong cộng đồng quốc tế. Việc xây dựng hệ thống các nguyên tắc và quy phạm điều chỉnh mối quan hệ giữa quốc gia với các chủ thể khác trong quan hệ quốc tế không dựa trên cơ sở áp đặt ý chí mà thông qua con đường duy nhất là thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng.

Hai nội dung quyền tối cao trong phạm vi lãnh thổ và quyền độc lập trong quan hệ quốc tế của quốc gia gắn bó chặt chẽ với nhau và là tiền đề cho nhau. Những nội dung này được khẳng định trong pháp luật của từng quốc gia và trong các văn bản pháp lý quốc tế.

1.2. Khái quát về toàn cầu hoá

1.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của toàn cầu hoá

1.2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của quá trình toàn cầu hoá

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về quá trình hình thành và phát triển của toàn cầu hóa, dưới những góc độ khác nhau mà các tác giả có những cái nhìn khác nhau về lịch sử hình thành và phát triển của toàn cầu hoá. Sau đây là những quan điểm chính về lịch sử hình thành và phát triển của quá trình toàn cầu hoá

Với lý thuyết về *dịch chuyển lao động* và *sự phát triển của thuyết tự do mới*, tác giả như Mittelman cho rằng, toàn cầu hóa đã trải qua ba thời kỳ chính [68]. Thời kỳ thứ nhất xuất hiện cách đây khoảng 5.000 năm khi một số nhóm người đã bắt đầu vượt khỏi biên giới của bộ tộc hay lãnh thổ của mình để xâm chiếm dân tộc khác, hay chỉ để trao đổi hàng hóa và tìm nơi định cư mới.

Thời kỳ thứ hai bắt đầu cùng với sự ra đời của chủ nghĩa thực dân, tư bản và công nghiệp hóa xảy ra cách đây khoảng 400 năm và kéo dài đến thập niên 1970. Trong suốt thế kỷ 18, thế giới đã chứng kiến một sự di dân ồ ạt của khoảng 10 triệu nô lệ da đen sang các nước thực dân và các nước thuộc địa của Anh và Pháp đang bị khai thác do tình trạng thiếu lao động ở các nước này.

Thời kỳ thứ ba xảy ra kể từ những năm 1970, các nước tư bản phải đối phó với sự sụp đổ của hệ thống Bretton Woods (được 44 quốc gia thành lập vào năm 1944 và chấm dứt hoạt động vào tháng 8 năm 1971 do lạm phát kéo dài của nền kinh tế Mỹ trong suốt thời kỳ chiến tranh tại Việt Nam kéo theo sự tuột giá của đô-la Mỹ), và sự khủng hoảng năng lượng nghiêm trọng xảy ra tại Châu Âu.

Theo quan điểm về *sự phát triển của chủ nghĩa thực dân*, một số nhà lịch sử cho rằng hiện tượng toàn cầu hóa trải qua ba thời kỳ với lần một xảy ra vào thế kỷ 16, lần hai vào thế kỷ 19, và lần ba kéo dài trong những năm cuối thế kỷ 20.

Như vậy, có thể thấy rất nhiều quan điểm khác nhau về quá trình hình thành và phát triển của toàn cầu hóa dựa trên sự tiến hóa của nhân loại từ thời kỳ du mục đến nông nghiệp, công nghiệp, hậu công nghiệp và thời đại thông tin ngày nay. Nhưng nói chung, các quan điểm đều cho rằng tiến trình toàn cầu hoá luôn bị ảnh hưởng bởi sự phát triển của khoa học kỹ thuật và sự lớn mạnh của kinh tế tư bản chủ nghĩa đi từ chủ nghĩa phong kiến sang thực dân và đế quốc. Ở từng thời kỳ khác nhau thì toàn cầu hóa đều có bản chất khác nhau và ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc sống con người. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông, thông tin và sản xuất nửa sau thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19 đã thật sự làm thay đổi đời sống con người và thế giới.

1.2.1.2. Khái niệm toàn cầu hoá

Toàn cầu hoá là một hiện tượng phức tạp, nên không thể cắt nghĩa được nó nếu chỉ dựa trên một nguyên nhân duy nhất. Quả thực, sự phát triển của khoa học công nghệ là động lực chính của toàn cầu hoá, song bên cạnh đó còn những động lực không kém phần mạnh mẽ đó là, ý chí của các nhà nước, sự liên hiệp lại với nhau của các xã hội công dân, quá trình hợp nhất của các nền kinh tế, sự bùng nổ các thể loại tổ chức xuyên biên giới, các dòng di cư khổng lồ, sự hội nhập khu vực, sự dâng cao của thực tiễn dân chủ, những lo ngại chung về các hiểm họa sinh thái, môi trường, vv... truyền thông đại chúng đang phụng sự các nhà nước ấy, nên việc đang tồn tại nhiều ý kiến và quan điểm khác nhau, đôi khi mâu thuẫn với nhau về toàn cầu hoá là điều có thể hiểu được

Nhưng đa số các nhà nghiên cứu khẳng định toàn cầu hoá thực chất là toàn cầu hoá kinh tế, với những tác động sâu rộng của nó đến các mặt của đời sống xã hội như quân sự, chính trị, văn hoá, môi trường. Và có thể đưa ra một định nghĩa chung: toàn cầu hoá là một xu thế của thời đại, là kết quả của quá trình gia tăng ảnh

hưởng, tác động và lệ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, các nền kinh tế, các thể chế chính trị trên quy mô toàn cầu. Nhìn ở góc độ kinh tế, toàn cầu hoá có nguyên nhân là sự phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất và sự mở rộng nền kinh tế thị trường thúc đẩy phân công lao động quốc tế. Ở góc độ chính trị, toàn cầu hoá đặc trưng bởi sự mở rộng tự do, mặt khác nó thể hiện sự cạnh tranh quyết liệt giữa các trung tâm quyền lực chính trị trên toàn cầu. Ở góc độ văn hoá, toàn cầu hoá là sự kết hợp giữa bản sắc dân tộc với nền văn minh nhân loại, tạo ra cơ hội tiếp cận nền văn minh chung của nhân loại trên cơ sở phát huy bản sắc dân tộc. Nói ngắn gọn, toàn cầu hoá đang dần tạo nên một thế giới thống nhất trong đa dạng.

1.2.2. Mặt tích và tiêu cực của toàn cầu hoá đối với sự phát triển của quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ kinh tế thương mại nói riêng .

Đánh giá tác động của toàn cầu hóa đối với sự phát triển của quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ kinh tế thương mại nói riêng rất là khác nhau giữa các nước, nhóm nước và nhóm xã hội trong mỗi nước.

Thật khó có kết luận chính xác trong cuộc tranh cãi giữa các quan điểm khác nhau về toàn cầu hóa. Dựa trên những quan điểm lý luận về kinh tế, xã hội và kết quả của các công trình nghiên cứu thực tiễn, tác giả nêu một số mặt tích cực và tiêu cực chủ yếu của toàn cầu hóa đối với sự phát triển quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ kinh tế thương mại nói riêng.

Tác động tích cực

- Toàn cầu hóa tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ giữa các quốc gia nói riêng và quan hệ quốc tế nói chung, đem lại nhưng cơ hội phát triển kinh tế cho các quốc gia
- Toàn cầu hóa đòi hỏi các nước phải mở cửa thị trường, tự do hóa thương mại, làm cho quan hệ buôn bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ gia tăng mạnh mẽ, làm cho hàng hóa và sản phẩm của mỗi nước có thị trường tiêu thụ rộng lớn hơn, từ đó kích thích kinh tế phát triển.
- Toàn cầu hóa tạo ra dòng chu chuyển nguồn vốn, dịch vụ và công nghệ ngày càng mở rộng, tạo cơ hội cho các quốc gia tiếp cận các nguồn vốn, công nghệ, dịch vụ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến trên thế giới.
- Toàn cầu hóa mở ra khả năng cho các quốc gia đang phát triển tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế, hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại, sử dụng có hiệu quả vốn, công nghệ và nhờ tăng lên mạnh mẽ về đầu tư, các quốc gia có cơ hội mở rộng sản xuất, tạo ra nhiều việc làm hơn, góp phần ổn định đời sống xã hội.
- toàn cầu hóa thực chất là mở cửa và hội nhập trong điều kiện bùng nổ công nghệ thông tin sẽ tạo cơ hội giao lưu về văn hóa, khoa học công nghệ giữa các nước, giữa các vùng trong mỗi nước, là điều kiện nâng cao dân trí, tạo cơ sở nền tảng phát triển kinh tế, chính trị, xã hội.
- Toàn cầu hóa mở ra khả năng phối hợp các nguồn lực của các quốc gia tham gia giải quyết những vấn đề toàn cầu.
- Quá trình toàn cầu hóa làm cho các nền kinh tế, các quốc gia gắn bó hữu cơ và tùy thuộc vào nhau, tồn tại trong một nền kinh tế thống nhất, từ đó ràng buộc lẫn nhau, tăng cường hợp tác, hữu nghị, ổn định hòa bình và an ninh lâu dài.

Tác động tiêu cực

Bên cạnh những mặt tích cực, toàn cầu hóa còn có những thách thức lớn đối với các nước.

- Toàn cầu hóa là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, các quốc gia, các tổ chức và cá nhân tham gia cùng một luật chơi, theo đuổi lợi ích chung, do đó cần phải hợp tác. Nhưng do lợi ích của các thành viên không giống nhau, điều kiện và năng lực tham gia hợp tác không giống nhau do đó, vận dụng các phương thức xử lý lợi ích không đơn thuần là hợp tác, mà còn là sự đấu tranh quyết liệt giữa các quốc gia, các tổ chức và cá nhân trong mỗi quốc gia.

- Toàn cầu hóa không phân phối công bằng các lợi ích và cơ hội phát triển giữa các quốc gia, các khu vực, các cá nhân và từng nhóm dân cư trong mỗi quốc gia. Những nước giàu dành đặc quyền đặc lợi, hưởng lợi ích khổng lồ. Do đó, toàn cầu hóa đang tạo ra sự bất bình đẳng, phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng giữa các nước cũng như các bộ phận dân cư trong một nước.

- Hội nhập toàn cầu mở ra khả năng tiếp nhận các nguồn đầu tư, các nguồn lực từ bên ngoài, phát triển nền kinh tế hiện đại, song bản thân các nước phát triển do khả năng tích lũy từ nội bộ tái đầu tư thấp, trở nên phụ thuộc mạnh mẽ vào hệ thống kinh tế bên ngoài, phụ thuộc phân công lao động quốc tế. Nền kinh tế như vậy sẽ trở nên cực kỳ nhạy cảm với những biến động của kinh tế thị trường toàn cầu và nếu mỗi quốc gia không có đường lối chiến lược độc lập tự chủ sẽ khó tránh khỏi những hậu quả là khủng hoảng, như đã xảy ra với các nước Đông Nam Á, Nga, Mêxico vừa qua...

Tóm lại, quá trình toàn cầu hóa là xu thế tất yếu khách quan đang chi phối quan hệ quốc tế của thế giới ngày nay. Quá trình này không chỉ mang lại cho các nước thời cơ, vận hội để phát triển, mà còn cả những khó khăn, thách thức to lớn. Nước nào khôn ngoan, tỉnh táo tận dụng tốt được những cơ hội và hạn chế thấp nhất được những thách thức mà quá trình này đem lại là nước chiến thắng.

1.3. Môi quan hệ giữa chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá.

Toàn cầu hoá và chủ quyền quốc gia có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Một mặt, toàn cầu hoá tạo ra những tiền đề hấp dẫn cho tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia, mỗi vùng lãnh thổ thậm chí mỗi đơn vị kinh tế và mỗi cá nhân, mặt khác những yêu cầu của quá trình toàn cầu hoá cũng đặt ra nhiều thách thức trong việc thực hiện và bảo đảm chủ quyền quốc gia, thậm chí còn có khuynh hướng cho rằng quá trình toàn cầu hoá đang dần bào mòn, gặm nhấm chủ quyền quốc gia. Theo chiều ngược lại, Nhà nước với quyền năng tối cao trong phạm vi lãnh thổ và quyền độc lập trong quan hệ quốc tế, cũng có những tác động không nhỏ tới tiến trình toàn cầu hoá. Để hiểu rõ vấn đề này ta đi vào phân tích từng khía cạnh của mối quan hệ này như sau:

1.3.1. Tác động của toàn cầu hoá đối với chủ quyền quốc gia.

- Tác động tiêu cực

có nhiều quan điểm khác nhau về mức độ tác động của toàn cầu hoá đối với chủ quyền quốc gia. Nhưng nhìn chung các quan điểm trên đều có một điểm chung là buộc tội quá trình toàn cầu hoá, rằng quá trình toàn cầu hoá đã và đang có những tác động tiêu cực đối với chủ quyền quốc gia. Rằng toàn cầu hoá đang và sẽ thách thức sự độc lập, tự chủ của các dân tộc và chủ quyền quốc gia là một hiện thực. Bởi họ cho rằng chưa nói tới các cuộc chiến tranh nóng do các siêu cường bất chấp pháp luật quốc tế gây ra đối với nền độc lập, tự chủ, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của các nước yếu hơn. Hệ thống và cơ chế quyền lực quốc tế gây ra cho các quốc gia nhiều mối lo ngại, vì nó được sử dụng như là một cơ chế để cộng đồng quốc tế, hoặc nhân danh cộng đồng quốc tế, can thiệp trực tiếp và thách thức chủ quyền chính trị truyền thống của các quốc gia. Ngay cả các quyết định đưa ra những chính sách, mục tiêu kinh tế, kiểm soát, điều hoà nguồn tài nguyên, nguồn thông tin, quyền quản lý các hoạt động kinh tế và khả năng hành động của một nước cũng sẽ bị tác động và bị các tổ

chức kinh tế quốc tế, các công ty xuyên quốc gia ràng buộc chặt chẽ, do đó mỗi quốc gia khó có thể phát triển kinh tế theo chiến lược riêng. Những quy tắc thị trường toàn cầu, buôn bán toàn cầu, tiền tệ toàn cầu, hoạt động kinh tế toàn cầu đã trở thành lực lượng mang tính cưỡng chế về mặt pháp luật quốc tế đối với mỗi nước, nhất là các nước nhỏ, buộc họ phải điều chỉnh chủ quyền kinh tế cho phù hợp với quy định chung thường là do các nước lớn áp đặt. Và chỉ cần nhìn vào cơ chế hoạt động của các tổ chức quốc tế như Liên hiệp quốc đã liên tiếp can dự đến các công việc chính trị và an ninh quốc tế, và việc Tổ chức thương mại thế giới (WTO) có quyền trừng phạt đối với những hành vi vi phạm quy tắc buôn bán của WTO, và việc Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) thường cho vay với điều kiện nước đi vay phải thực hiện những cải cách trong nước, hoặc Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế tuyên bố họ có quyền tiến hành kiểm tra các thiết bị hạt nhân đối với nước vi phạm hiệp định sử dụng hạt nhân mà không cần có sự đồng ý của chính phủ nước đó thì cũng đủ thấy rằng hệ quả của quá trình toàn cầu hoá nó đã tác động đến chủ quyền quốc gia, hay nói cách khác ở một góc độ nào đó thì toàn cầu hoá nó đã làm hạn chế chủ quyền quốc gia theo nghĩa truyền thống.

Nhưng dù có bị chỉ trích đến mức nào đi nữa thì toàn cầu hoá vẫn là một thực tế mà chúng ta khó thể đảo ngược và có thể nói rằng những quan điểm cực đoan trên đã quên mất rằng quá trình toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế cũng có những mặt tích cực tác động to lớn đối với chủ quyền quốc gia. Toàn cầu hoá dường như đang củng cố sức mạnh của nhà nước, tạo những cơ hội vững chắc để bảo vệ chủ quyền quốc gia.

- Tác động tích cực

Toàn cầu hoá thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tạo ra cơ sở vật chất cho Chủ nghĩa xã hội và do đó mà có điều kiện và khả năng thực tế để bảo đảm vững chắc chủ quyền quốc gia.

Về mặt đối nội, quá trình toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế có thể tăng cường khả năng của chính phủ trong việc thực hiện các vai trò then chốt của mình. Bởi những thành tựu phát triển kinh tế ở nhiều nước trong những thập kỷ vừa qua gắn liền với chính sách mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế đã chứng minh một cách thuyết phục rằng hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần to lớn làm tăng thu nhập cho các nước nhờ duy trì được tăng trưởng kinh tế để chi tiêu cho các dịch vụ của chính phủ như giáo dục, y tế, môi trường... góp phần nâng cao cuộc sống của người dân.

Quá trình toàn cầu hoá góp phần củng cố sức mạnh của nhà nước, có thể nhận thấy sự mở rộng đó trên nhiều lĩnh vực như: Trong hoạt động quốc tế bảo vệ quyền con người; hay trong sự hợp tác mà các nhà nước đã cam kết nhằm bảo vệ đại dương, đẩy lùi bệnh tật, khắc phục sự lây lan của các cơn sốt tài chính; hoặc kiểm soát sự nóng lên của trái đất và gần đây nhất là hoạt động chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế.

1.3.2. Tác động của chủ quyền quốc gia đối với quá trình toàn cầu hoá

Mặc dù quá trình toàn cầu hoá có những tác động to lớn cả về mặt tích cực và tiêu cực đối với chủ quyền quốc gia, những cũng phải thấy rằng chủ quyền quốc gia cũng có những tác động ngược lại đối với quá trình toàn cầu hoá.

Thông qua việc thực hiện chủ quyền quốc gia, quốc gia là chủ thể có tác động mạnh mẽ nhất, tích cực nhất tới tiến trình toàn cầu hoá. Không thể nói đến toàn cầu hoá, khu vực hoá, nếu các Chính phủ của các Quốc gia áp dụng chính sách đóng cửa kinh tế, tích cực bảo hộ sản xuất trong nước, hướng sản xuất vào mục đích thay thế nhập khẩu, tạo lập và duy trì các rào cản thương mại, đầu tư và lưu thông tài chính quốc tế... Mặt

khác chính những chính sách của các Chính phủ là nguyên nhân chủ quan thúc đẩy sự phát triển của quá trình toàn cầu hoá.

Tóm lại, cho dù xu thế toàn cầu hoá đang làm cho thế giới phụ thuộc vào nhau hơn và cho dù, dưới tác động mạnh mẽ, sâu rộng của các cuộc cách mạng khoa học công nghệ, sự phân công và hợp tác quốc tế làm cho các nước trên thế giới xích lại gần nhau đến đâu đi chăng nữa thì những giá trị truyền thống của Nhà nước, quốc gia vẫn luôn bền vững và tồn tại.

Chương 2

Vấn đề chủ quyền quốc gia với kinh nghiệm của các nước EU trong quá trình toàn cầu hoá.

Có thể nói cho nay Liên minh Châu Âu là hình thức tập hợp đi xa nhất trong việc xây dựng một thể siêu quốc gia và nó là hệ quả cao nhất của quá trình toàn cầu hoá. Nhưng việc gia nhập tổ chức này đem lại cho các nước thành viên những lợi ích gì và đòi lại các nước thành viên phải đối mặt với những thách thức gì về chủ quyền? Và tại sao có những thách thức đó mà các nước chưa phải là thành viên EU cũng mong muốn gia nhập tổ chức này? Liệu Việt Nam nói riêng và các nước đã và sẽ trở thành thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á gọi tắt là (ASEAN) nói chung có học hỏi được gì từ mô hình trên? Trong phần này tác giả sẽ đi làm rõ những thắc mắc trên.

2.1 Xu hướng hội nhập vào EU- thuận lợi và thách thức.

2.1.1. Xu hướng hội nhập vào EU.

Ngoài việc tăng lên về chiều rộng (số thành viên), Liên minh Châu Âu cũng phát triển chiều sâu, đưa sự hội nhập ngày càng đi xa hơn cả về mức độ và phạm vi, trở thành một liên hiệp kinh tế gần như toàn diện, đã thống nhất tiền tệ và trong tương lai xa hơn, có thể thống nhất cả chính trị và xã hội. Hiệp ước Maastricht ký ngày 7/2/1992 không chỉ đổi tên của Cộng đồng Châu Âu thành Liên hiệp Châu Âu, với sự hoàn tất của một quá trình dài cải tổ và củng cố các cơ cấu, mà còn đánh dấu một bước tiến mới trong xu thế hội nhập ở châu Âu và cả một sự thay đổi tư duy về vấn đề này. Để có hiệu lực, Hiệp ước Maastricht phải được dân chúng các nước thành viên chấp thuận qua biểu quyết (referendum). Quá trình vận động dân chúng kéo dài cả mấy năm và là một cuộc tranh luận sôi nổi giữa các phe chống và phe ủng hộ, xoay quanh một số đề tài trong đó được nhắc đến nhiều nhất là vấn đề chủ quyền quốc gia, sự phân bổ quyền lực giữa các nước thành viên và cơ cấu của cộng đồng, tính dân chủ hoặc phi dân chủ của cách vận hành của cơ chế chung.

Có thể nói chủ quyền quốc gia, ngay từ những ngày đầu tiên và cho đến bây giờ, vẫn là vấn đề cơ bản của Liên minh Châu Âu, một đề tài tranh cãi thường xuyên. Thụy Sĩ và Na Uy chính thức đệ đơn gia nhập năm 1992 nhưng hồ sơ này bị gác lại vô thời hạn sau khi dân chúng hai nước này hai lần biểu quyết chống, với tỷ lệ rất khít khao nói lên sự phân vân của dư luận trước những lý lẽ trái ngược nhau về lợi ích của hội nhập và cái giá về chủ quyền. Nước Anh không lúc nào không tranh luận trong nội bộ về lợi và hại của việc tham gia vào Liên minh Châu Âu, trong nội bộ cả hai đảng Lao Động và Bảo Thủ đều có hai khuynh hướng một bên

chống (Eurosceptics) và một bên thuận (pro-European). Các thành viên Liên hiệp cũng khác nhau về mức độ dẫn thân vào xu thế hội nhập. Cựu thủ tướng Đức Gerhard và cựu bộ trưởng ngoại giao Joschka Fischer, tháng 5.2001, đề nghị củng cố Liên minh Châu Âu trong 10 năm sắp đến thành một liên bang hoà nhập tất cả các quốc gia trong một thể chế chính trị duy nhất, với một chính quyền trung ương đặt dưới sự kiểm soát của một quốc hội toàn Châu Âu, phản ứng của thủ tướng Anh Tony Blair và cựu thủ tướng Pháp Lionel Jospin là sự dễ dặt dễ hiểu. Người Đức, quen sống với chế độ liên bang, dễ dàng ủng hộ dự án này trong khi dân chúng Pháp, với truyền thống nhà nước tập quyền (từ thời vua Louis XI, thế kỷ XV), đương nhiên ít phần khởi trước viễn tưởng nhà nước dân tộc bị tan loãng trong một thể chế siêu quốc gia. Nhưng Đức lại là một trong những nước chống lại mạnh mẽ việc thống nhất tiền tệ, khi đồng Euro còn là dự án, vì đồng Deutsche Mark vừa biểu hiện sức mạnh của kinh tế Đức vừa là sự tự hoà của một dân tộc bại trận sau Đệ nhị thế chiến nhưng đã kiên trì xây dựng lại vị trí kinh tế, uy thế chính trị của mình. Thay thế đồng Deutsche Mark bằng đồng Euro cũng khó chấp nhận đối với dân chúng Đức lúc ấy như việc truất phế Nữ Hoàng đối với dân Anh hay sự lu mờ của một nhà nước kế thừa truyền thống cộng hoà (tradition Republicaine) của cách mạng 1789 đối với dân Pháp [58, tr35].

Tuy nhiên, Liên minh Châu Âu vẫn tiếp tục phát triển và củng cố các cơ cấu của mình, càng ngày càng đi xa hơn trong sự hội tụ. Từ Thị trường chung của những năm đầu đến Định ước duy nhất Châu Âu (European Single Act) năm 1986 nói rộng tự do đi lại, không chỉ cho hàng hoá, mà còn cho dịch vụ, tài chính và con người, đến không gian Schengen năm 1995 xoá bỏ các giới tuyến giữa các nước tham gia, bước đầu cho việc hình thành một không gian chính trị chung, quá trình xây dựng Châu Âu là ví dụ điển hình của những giằng co giữa những động lực khác nhau trong một xu thế toàn cầu hoá. Mỗi bước tiến trong việc thống nhất hoá đều gặp sức kháng cự của nước này hay nước khác, mỗi hiệp ước đưa ra cho dân chúng biểu quyết đều có nơi này bác, nơi kia thuận.

Cuộc tranh cãi về chủ quyền quốc gia trong công luận đạt cao điểm trong năm 2005 khi các nước trong Liên minh lần lượt tiến hành thủ tục phê chuẩn Hiến chương châu Âu, được coi như văn kiện nền tảng cho một thể chế đầy xa hơn nữa sự hội nhập để đi đến thống nhất hoá về cả chính trị. Đa số các nước thành viên EU chọn hình thức phê chuẩn qua quốc hội thay vì trưng cầu dân ý, hoặc vì quy định của hiến pháp quốc gia, hoặc vì ngại dân chúng có thể bác yêu cầu. Sau khi hai lần biểu quyết thành công tại Tây Ban Nha và Lúc Xăm Bua, việc đa số dân chúng Pháp rồi Hà Lan bỏ phiếu chống, tuy phần nào đã được đoán trước vẫn là cú sốc. Sự thất bại của hiến chương trong hai nước tiên phong trong công cuộc xây dựng cộng đồng Châu Âu tác động mạnh đến nỗi các nước còn lại đành chỉ vô hạn định việc tổ chức bỏ phiếu. Tuy kết quả cuộc bỏ phiếu cũng bị các yếu tố khác chi phối (chính trị nội bộ, tâm lý bất an trước toàn cầu hoá và những vấn đề an ninh thế giới sau sự kiện 11/9,v.v.) có thể nói đây là giới hạn của sự nhượng chủ quyền trong tâm lý dân chúng trước các đợt mở rộng và cải tổ lớn của Liên minh trước khi có thể chấp nhận đi xa hơn nữa.

Tuy tạm thời thất bại trên chủ đề hiến chương, Liên minh Châu Âu vẫn là kết quả cáo nhất của quá trình toàn cầu hoá và là hình thức tập hợp đi xa nhất trong việc xây dựng một thể chế siêu quốc gia và chuyển nhượng chủ quyền quốc gia. Để làm rõ hơn về vấn đề này, sau đây tác giả đi phân tích cụ thể hơn những thuận lợi và thách thức gì về chủ quyền mà mỗi nước phải đối mặt khi gia nhập Liên minh Châu Âu.

2.1.2. Thuận lợi và thách thức

Mục tiêu chiến lược phát triển của EU là “Liên minh trở thành một nền kinh tế tri thức và cạnh tranh nhất thế giới, tăng trưởng bền vững và an sinh xã hội tốt nhất”[12]. Các nhà hoạch định chiến lược của EU hy vọng việc xây dựng, hoàn thiện thị trường chung, lưu hành đồng tiền chung sẽ đem lại cho EU tăng trưởng và việc làm, nhất là cơ hội đuổi kịp trình độ phát triển của nước Mỹ. Khẳng định được tiếng nói của Liên minh trên trường quốc tế.

Và thực tế đã chứng minh, gia nhập EU tạo cho các nước nhiều cơ hội phát triển về kinh tế, ổn định về chính trị, khẳng định được vị thế của quốc gia trên trường quốc tế. Bởi khi gia nhập EU, các nước sẽ nhận được những khoản hỗ trợ về hạ tầng giao thông vận tải và môi trường ISPA, hay nông nghiệp và phát triển nông thôn SAPARD, với tổng số tiền tới 20 tỷ EURO là một nguồn lực quan trọng đối với các nước khi gia nhập EU [38, tr 163]. Bên cạnh đó việc gia nhập Liên minh Châu Âu sẽ mở ra một thị trường nội địa rộng lớn cho các nước thành viên, mở rộng phạm vi lưu chuyển tự do cho hàng hoá, dịch vụ, lao động và vốn. Nó tạo điều kiện thuận lợi để tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài, và giảm thiểu rủi ro trong đầu tư.

- Khi gia nhập EU, các nước trong liên minh còn có cơ hội cùng hợp tác với nhau để hình thành các quỹ, các nguồn đầu tư và các cơ hội phát triển cho các vùng nghèo nhất trong khu vực, củng cố dân chủ và thúc đẩy phát triển kinh tế cho các nước thành viên yếu hơn trong liên minh.

- Khi gia nhập EU, các nước sẽ học hỏi được những kinh nghiệm quản lý, sự phối hợp gắn kết xây dựng thể chế kinh tế thị trường hiện đại giữa các quốc gia, củng cố hòa bình và an ninh trong khu vực, tạo ra một môi trường rộng lớn hơn, đồng nhất hơn cho các doanh nghiệp, và tạo nên tiềm lực kinh tế cho cả khu vực trong cạnh tranh toàn cầu. Việc tự do đi lại trong liên minh tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho các cá nhân.

- Điều đặc biệt là khi gia nhập vào khu vực, các nước khẳng định được vị trí của mình, giảm bớt áp lực về chính trị, kinh tế mà các nước mạnh hơn đem lại.

Tuy nhiên trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới nói chung, được và mất cũng như cơ hội và thách thức luôn song hành. Bên cạnh những thuận lợi để phát triển kinh tế thì những thách thức đặc biệt về vấn đề chủ quyền quốc gia của các nước thành viên cũng được đặt ra.

Cụ thể, gia nhập Liên minh Châu Âu, các nước thành viên phải có trách nhiệm tuân thủ các trật tự pháp lý trong cộng đồng và chấp nhận các chính sách chung khác. Trong một chừng mực nào đó, điều này đã hạn chế tính độc lập và bản sắc dân tộc.

- Cùng với tiến trình liên kết sâu rộng, việc chuyển giao quyền lực từ các nước thành viên cho các thể chế siêu quốc gia ngày càng nhiều hơn. Như vậy dù muốn hay không muốn, khi hội nhập vào khu vực thì chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc và đặc thù văn hóa quốc gia bị hạn chế là điều khó tránh khỏi bởi.

- Quá trình hình thành và phát triển của Liên minh Châu Âu gắn liền với tăng cường dân chủ và xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại trên toàn khu vực, thiết lập các thể chế siêu quốc gia, hòa hợp pháp luật, xóa bỏ các rào cản trong thương mại cũng như các vấn đề liên quan tới chủ quyền quốc gia như kiểm soát biên giới, chế độ thị thực hay đồng tiền của các nước. Như vậy, khi gia nhập vào EU, đòi hỏi các quốc gia phải tuân thủ những điều kiện mà tổ chức này đề ra, như phải sửa đổi luật pháp cho phù hợp với pháp luật của Liên minh điều này có nghĩa pháp luật của Liên minh cao hơn pháp luật của các quốc gia thành viên. Việc áp đặt các luật lệ chung dẫn tới xóa nhòa bản sắc dân tộc về kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Chủ quyền của mỗi quốc gia trong lĩnh vực kiểm soát biên giới, quản lý thị thực xuất nhập cảnh của công dân, đó là một quyền tối cao trong lĩnh vực đối nội của mỗi quốc gia, nhưng khi gia nhập EU với quy định miễn thị thực, công dân của các nước thành viên có thể qua lại mà không bị kiểm soát, điều này làm nảy sinh nhiều nguy cơ như: Lo lắng về sự gia tăng của tội phạm và buôn bán ma túy trong nội khối do dỡ bỏ kiểm soát biên giới, tăng mức độ cạnh tranh, mất việc làm và các hiểm họa kinh tế khác do dỡ bỏ hàng rào bảo hộ thị trường từng nước.vv...

- Đối với các nước thành viên mới, việc gia nhập EU đòi hỏi các nước phải cải cách nông nghiệp và hội nhập kinh tế một cách nhanh chóng để rút ngắn khoảng cách phát triển với EU 15[40,tr 5].

Tất cả những điều trên có thể thấy gia nhập EU tạo cho các nước nhiều cơ hội phát triển về kinh tế, ổn định về chính trị, khẳng định được vị thế của quốc gia trên trường quốc tế. Nhưng bên cạnh những thuận lợi đó đặt ra cho các quốc gia không ít những thách thức đặc biệt về vấn đề chủ quyền quốc gia và bản sắc văn hoá dân tộc.

2.2 Xu hướng nói không với hội nhập vào EU – những thuận lợi và thách thức

2.2.1. Xu hướng nói không với hội nhập vào khu vực EU

Trong khi hầu hết các quốc gia ở Châu Âu đều gia nhập Liên minh Châu Âu, thì một số quốc gia còn lại có tư tưởng đi ngược lại với xu hướng này mà điển hình là Na Uy, Thụy Sĩ, Nga, Belarus....

Như vậy, ngoài phần lớn các nước có xu hướng ủng hộ việc gia nhập EU, có thể thấy có cả những nước giàu có ở Châu Âu và cả những nước nghèo nhất Châu Âu có xu hướng nói không với hội nhập vào EU. Điều này là vì lý do gì, trong khi những nước là thành viên của EU được hưởng rất nhiều thuận lợi khi gia nhập tổ chức này. Sau đây tác giả sẽ đi phân tích những thuận lợi và thách thức mà các nước nói không với hội nhập EU sẽ gặp phải.

2.2.2. Thuận lợi và thách thức

Có thể nói vì nhiều lý do mà các quốc gia có thể nói không với hội nhập vào khu vực nhưng lý do chủ yếu là để đảm bảo sự độc lập tự chủ, chủ quyền quốc gia trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chính sách hoặc họ theo đuổi những mục tiêu lợi ích khác nhau. Bởi khi không gia nhập EU các nước không phải thực hiện những chính sách cải cách mà yêu cầu khi gia nhập EU các quốc gia phải tuân theo, không phải sửa đổi luật pháp cho phù hợp với luật của Liên minh, các quốc gia sẽ có toàn quyền trong việc quyết định những vấn đề đối nội của quốc gia, như kiểm soát biên giới, chính sách thị thực,... Nhưng đối lại quốc gia đó sẽ không được liên minh bảo vệ, hỗ trợ, không được chia sẻ những kinh nghiệm quản lý, không có sự phối hợp gắn kết xây dựng thể chế kinh tế thị trường hiện đại giữa các quốc gia cùng cố hòa bình và an ninh trong khu vực. Và điều đặc biệt là khi không gia nhập vào khu vực, các nước không khẳng định được vị trí của mình, thường gặp những áp lực về chính trị, kinh tế mà các nước mạnh hơn đem lại.

Một quốc gia quyết định không gia nhập Liên minh có thể tạm thời dựng những hàng rào thuế quan và áp đặt kiểm soát đối với các dòng ngoại tệ đang ra vào quốc gia đó. Điều này sẽ giảm được những xáo động trong nền kinh tế. Đồng thời quốc gia đó cũng phải đối mặt với một thực tế, đó là mức tăng trưởng của quốc gia sẽ chậm lại vì quốc gia đó sẽ không còn tiếp cận được các khoản tiền hỗ trợ mà Liên minh đem lại.

Các doanh nghiệp ít chịu áp lực cạnh tranh hơn nhưng điều này cũng dẫn tới những bất cập là các doanh nghiệp không có cơ hội phát triển ra thị trường bên ngoài dẫn đến nền kinh tế đất nước ngày càng trì trệ, kém phát triển.

Như vậy, Toàn cầu hóa là một hệ thống bao gồm cả cơ hội và thách thức, mặt tích cực và tiêu cực. Phản ứng của mỗi quốc gia đối với toàn cầu hóa và hội nhập vào khu vực cũng khác nhau. Có những quốc gia thì luôn ủng hộ quá trình toàn cầu hóa và hội nhập khu vực và quốc tế, có quốc gia theo đuổi quá trình này với tiêu chí phù hợp với bản sắc văn hóa của nước họ. Một số khác lại nói không với hội nhập.

2.3 Kinh nghiệm cho các nước trong quá trình hội nhập vào khu vực và quốc tế

2.3.1. Sự lựa chọn đúng đắn: chủ quyền quốc gia vì mục tiêu toàn cầu hóa

Để tăng trưởng kinh tế, phát triển đất nước, nâng cao mức sống của người dân không con đường nào khác là phải hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa. Nhưng hội nhập thế nào để tăng trưởng kinh tế mà vẫn đảm bảo quyền độc lập tự chủ, chủ quyền của quốc gia. Bảo đảm chủ quyền quốc gia suy cho cùng chính là bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia để có thể tạo lập một xã hội phát triển, cân bằng và bền vững.

Vấn đề đặt ra cho mỗi quốc gia là làm thế nào để dung hoà được giữa việc gìn giữ chủ quyền quốc gia, bảo tồn bản sắc dân tộc... đồng thời đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển của đất nước. Bất cứ xã hội nào muốn thịnh vượng về kinh tế thì đều phải hội nhập vào tiến trình toàn cầu hoá. Nhưng chỉ vì chạy theo mục tiêu phát triển kinh tế mà chủ quyền bị xâm phạm, phải hy sinh bản sắc của đất nước thì liệu nó có còn đúng nghĩa là một quốc gia nữa không. Nhưng một đất nước chỉ lo giữ vững chủ quyền mà từ chối hội nhập thì sẽ không bao giờ tiến xa hơn được. Kết hợp hài hoà truyền thống với hiện đại, hội nhập với bảo vệ chủ quyền quốc gia. Trên cơ sở bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc, giữ lấy những gì là tinh hoa của văn hoá dân tộc, loại trừ dần các yếu tố lỗi thời. Tăng cường giao lưu văn hoá với bên ngoài, tiếp thu những gì là tinh hoa của văn hoá thế giới, đồng thời tiến hành bản địa hoá, dân tộc hoá chúng để làm giàu cho văn hoá dân tộc, lấy văn hoá làm động lực cho sự phát triển của dân tộc. Đây là cách ứng xử khôn ngoan nhất, đúng đắn nhất mà chúng ta cần thực hiện.

Có thể nói rằng toàn cầu hoá đang đặt ra hàng loạt những thách thức hết sức khó khăn cho tất cả các nước. Đó chính là những vấn đề toàn cầu mà nhân loại đang và sẽ phải đối mặt. Nhận thức cho được các vấn đề này và tìm ra đối sách để giải quyết chúng là nhiệm vụ không dễ dàng, nhưng đó lại là việc không thể không làm một cách tích cực, từng bước và làm một cách khoa học. Có vượt qua được những thách thức đó, chúng ta mới có cơ hội phát triển nhanh hơn trong tương lai. Vì vậy, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với mỗi quốc gia, dân tộc.

2.3.2. Vai trò của nhà nước trong thời đại toàn cầu hóa

Việc nghiên cứu mô hình siêu nhà nước EU dẫn tới việc xem xét lại những vấn đề lý luận về vị trí của mỗi quốc gia trong cộng đồng quốc tế, về chủ quyền quốc gia và vai trò của nhà nước, dân tộc trong bối cảnh khu vực hoá, toàn cầu hoá hiện nay, sự phát triển của luật lệ và các giá trị nhân văn. Song luật lệ có tính chất ràng buộc và luật quốc tế giới hạn khá nhiều quyền tự chủ quốc gia như chúng ta đã thấy, thì có thể đặt câu hỏi liệu Nhà nước dân tộc còn có vai trò gì hay sẽ biến mất như theo một số người nghĩ. Theo nhiều tác giả khác, Nhà nước dân tộc sẽ còn tồn tại và có vai trò vô cùng quan trọng, thậm chí được củng cố vì trên một số phương diện, chính các yếu tố thách thức các chức năng của nó, như Internet, cũng có thể mở ra những khả năng mới cho nó, như các hình thức quản trị điện tử (e-governance). Thậm chí, nếu thế giới tiến tới một mô

hình quản trị toàn cầu, Nhà nước dân tộc cũng sẽ có vai trò và chỗ đứng riêng trong đó, dẫu không còn là tác nhân duy nhất trong việc quyết định và quản lý [39, tr 77].

Cùng với làn sóng toàn cầu hóa, nhiều người cho rằng vai trò nhà nước đã khác trước. Tuy nhiên, khác như thế nào thì tùy quan điểm của từng người bởi người ủng hộ toàn cầu hóa sẽ nhìn nhận vai trò của nhà nước khác với người chống đối toàn cầu hóa - Để có cái nhìn tương đối khách quan, có lẽ nên từ một xuất phát điểm: Toàn cầu hóa là một quá trình phát triển cho đến nay là không cưỡng lại được, vừa có thể đem lại sự tăng trưởng kinh tế, sự phồn vinh cho nhiều nơi, nhiều người nhưng lại vừa gây ra những xáo động to lớn trong đời sống của nhiều người khác. Vì thế, vấn đề là làm sao nhà nước đóng một vai trò có thể tận dụng tốt nhất những cơ hội mà toàn cầu hóa đem lại, đồng thời hạn chế mặt trái của nó.

Cần phải khẳng định, trong xu thế toàn cầu hoá vai trò của nhà nước đang bị thu hẹp. Đúng là toàn cầu hóa đã và đang hạn chế năng lực điều hành của nhà nước, không chỉ trong quan hệ với bên ngoài mà còn ở các chính sách trong nước. Hầu hết các đạo luật chúng ta thông qua trong những năm gần đây là nhằm sửa đổi cách điều hành đất nước phù hợp với thông lệ quốc tế - tức là theo khuôn mẫu chung, không được quyền có ngoại lệ.

Và ở Việt Nam, với đặc điểm vẫn đang còn trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và tham gia ngày càng sâu vào quá trình toàn cầu hóa, vai trò của nhà nước ở Việt Nam khác nhiều so với vai trò của nhà nước ở những nước phát triển. Nếu thừa nhận về thứ nhất rằng toàn cầu hóa là một tất yếu khách quan, mà nước ta không thể không tham gia thì đầu tiên vai trò của nhà nước là phải làm sao để quá trình này đem lại lợi ích nhiều nhất cho người dân trong nước. Còn quá nhiều việc phải làm để sao cho bộ máy nhà nước vận hành theo đúng thông lệ quốc tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam tham gia toàn cầu hóa.

Cuối cùng, vai trò nhà nước là thấy cái được và cái không được của toàn cầu hóa để không chạy theo tăng trưởng bằng mọi giá. Đây là mâu thuẫn khó giải quyết vì không cạnh tranh với nước khác thì không tận dụng được quá trình toàn cầu hóa, còn làm theo sẽ trả giá bằng môi trường, bằng sự xáo động cuộc sống nông thôn.

Ở đây, trước mắt, vai trò của nhà nước là làm sao hóa giải sự mất quân bình trong phân phối lợi ích của toàn cầu hóa. Những chính sách phúc lợi, an sinh xã hội, chính sách giáo dục, y tế đúng đắn đòi hỏi nhà nước phải có tầm nhìn dài hạn, tổng thể và để làm được điều này, vai trò của nhà nước là làm sao bảo đảm tiếng nói của người nông dân, người dân nghèo được phản ánh trong chính sách và đối với những lợi ích chung của toàn dân nhưng khó thấy cụ thể như vấn đề bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên đất nước càng phải là trách nhiệm của nhà nước.

Chương 3

Việt Nam với vấn đề chủ quyền quốc gia trong quá trình hội nhập khu vực và thế giới.

3.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về chủ quyền quốc gia và hội nhập quốc tế

Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chủ quyền quốc gia và hội nhập quốc tế có ý nghĩa quan trọng, đó là cơ sở quyết định hình thành đường lối chính sách của một quốc gia trong lĩnh vực mở cửa hội nhập quốc tế. Việt Nam đã và đang bước vào nền kinh tế hội nhập với những lợi thế và thách thức, chúng ta hội nhập theo những quan điểm riêng của mình. Do đó, nhìn lại diễn biến quan điểm của Đảng và nhà nước là cần thiết để đánh giá thực trạng và triển vọng, những vấn đề đặt ra đối với hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Có thể khẳng định từ Đại hội VI đến nay, chủ trương hội nhập quốc tế của Đảng là nhất quán trong tiến trình đổi mới đất nước. Đây chính là cơ sở mang tính nền tảng để triển khai, thúc đẩy quá trình phát triển đất nước và là chủ trương đúng đắn và được minh chứng trong thực tiễn. Mặc dù tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam được thực hiện trong một thời gian ngắn, kinh nghiệm còn hạn chế nhưng đã mang lại những kết quả ban đầu đáng khích lệ đó là: Tạo dựng được môi trường quốc tế, khu vực thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, nâng cao vị thế của Việt Nam trên chính trường quốc tế; mở rộng và đa dạng hoá được thị trường xuất khẩu; thu hút được những nguồn vốn lớn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA), giảm đáng kể nợ nước ngoài; từng bước tiếp thu được những thành tựu khoa học công nghệ, kỹ năng quản lý, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ công chức nhà nước, góp phần quan trọng vào cải thiện đời sống nhân dân, xoá đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đưa đất nước thoát khỏi đói nghèo và ngày càng phát triển.

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đạt được, trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam cũng gặp không ít những thuận lợi và thách thức.

3.2 Những thuận lợi và thách thức của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

3.2.1. Những thuận lợi của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

Thứ nhất, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước trong việc xác định chủ động, tích cực tham gia vào tiến trình toàn cầu hoá, khu vực hoá.

Thứ hai, Việt Nam có một môi trường chính trị xã hội ổn định. Đây là điều kiện rất quan trọng để tập trung phát triển kinh tế, mở rộng quan hệ đối ngoại. Sự ổn định về chính trị- xã hội cho phép tập trung toàn bộ sức lực của nhân dân cho phát triển đất nước.

Thứ ba, Việt Nam có lợi thế về tự nhiên cho phát triển kinh tế, tham gia vào toàn cầu hoá giúp chúng ta khai thác có hiệu quả hơn lợi thế này. Việt Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú nhưng vẫn chưa được khai thác có hiệu quả.

Thứ tư, thành tựu trong quan hệ quốc tế sau hơn mười năm mở cửa, hội nhập tạo tiền đề cho việc đẩy nhanh tiến trình hội nhập trong thời gian tới. Có thể nói, thành tựu trong 20 năm đổi mới là to lớn và rất đáng khích lệ. Đó là nguồn động viên để Việt Nam kiên định đường lối mở cửa và hội nhập. Mặt khác, những kinh nghiệm quý báu trong thời gian này, cả những bài học rút ra được từ những thành công và thất bại là hành trang cho Việt Nam tiếp tục đẩy nhanh hơn nữa tốc độ hội nhập quốc tế.

3.2.2. Những thách thức của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

Những lợi ích của hội nhập kinh tế đã rõ ràng. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt thuận lợi ấy, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng đặt ra những thách thức to lớn với mọi nền kinh tế, thách thức này càng khắc nghiệt hơn khi chúng ta là một nước đang phát triển với nền kinh tế chuyển đổi.

Một là, cạnh tranh trở nên quyết liệt hơn. Cạnh tranh không chỉ giữa doanh nghiệp nước ta với doanh nghiệp các nước trên thị trường nước ngoài để xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ mà cạnh tranh ngay trên thị trường trong nước.

Hai là, hội nhập kinh tế quốc tế với sự chuyển dịch tự do qua biên giới các yếu tố của quá trình tái sản xuất hàng hóa và dịch vụ tiềm ẩn nhiều rủi ro, trong đó có cả những rủi ro về mặt xã hội.

Ba là, hội nhập kinh tế quốc tế đang đặt ra những yêu cầu hết sức cấp bách cho việc bổ sung và hoàn thiện thể chế.

Bốn là, hội nhập kinh tế quốc tế cũng đã làm bộc lộ nhiều bất cập của nền hành chính quốc gia. Do một trong những nguyên tắc chủ đạo của WTO là minh bạch hóa nên khi gia nhập WTO, nền hành chính quốc gia chắc chắn sẽ phải có sự thay đổi theo hướng công khai hơn, minh bạch hơn và hiệu quả hơn.

Năm là, để bảo đảm tiến trình hội nhập đạt hiệu quả, bên cạnh quyết tâm về chủ trương, cần phải có một đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và đội ngũ doanh nhân đủ mạnh.

Sáu là, hội nhập kinh tế quốc tế dẫn đến sự hợp tác về an ninh và văn hóa. Đồng thời, việc mở cửa thị trường, mở rộng giao lưu trong điều kiện bùng nổ thông tin hiện nay, bên cạnh nhiều mặt tốt, những cái xấu cũng du nhập vào, đòi hỏi các cấp lãnh đạo, quản lý và mọi người dân phải nâng cao bản lĩnh chính trị, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc nhằm nâng cao sức đề kháng, chống lại sự tha hóa, biến chất, chống lại lối sống hưởng thụ, tự do tư sản.

Tóm lại, hội nhập vào khu vực và thế giới, đưa đất nước đứng trước nhiều cơ hội lớn, nhưng thách thức không nhỏ, có mặt tác động trực tiếp, có mặt gián tiếp đến chủ quyền quốc gia. Mặc dù thời thế, địa - chính trị thế giới có thay đổi, nhưng chủ nghĩa đế quốc không bao giờ từ bỏ âm mưu bá chủ đối với thế giới, trong đó có nước ta. Thông qua các quan hệ kinh tế, thương mại là con đường phù hợp và hiệu quả hơn so với con đường can thiệp bằng quân sự để thôn tính các nước. Cũng thông qua các quan hệ kinh tế - thương mại mà có những mặt cả về chính trị, quân sự, có khi vì lợi ích toàn cục, lâu dài mà buộc phải chấp nhận tạm thời. Nguyên tắc của pháp luật quốc tế là hợp tác bình đẳng, nhưng quan hệ giữa các nước lớn vẫn là quan hệ chi phối. Toàn cầu hóa là quá trình khách quan, nhưng bao giờ các nước lớn cũng lồng ghép ý đồ chủ quan trong các quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư tư bản, dịch chuyển lao động. Không có một quan hệ kinh tế nào thời toàn cầu hoá lại thiếu vắng các mục tiêu chính trị, đó cũng là tất yếu bởi “chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế” (theo cách nói của V.I.Lê-nin).

3.3. Một số biện pháp và phương hướng để bảo vệ chủ quyền quốc gia Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Trong những thập kỷ tới, những mâu thuẫn cơ bản của thời đại vẫn tồn tại nhưng biểu hiện dưới sắc thái mới. Cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp trên thế giới vẫn tiếp tục diễn ra gay gắt với nhiều hình thức khác nhau. Thế giới tiếp tục đối mặt với khủng hoảng kinh tế và các vấn đề thiên tai, dịch bệnh, những vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống...

Trong những năm tháng có vai trò quyết định hiện nay, chúng ta sẽ phải có những quyết định mang tính lịch sử liên quan đến tương lai, sự phát triển, và bản sắc của quốc gia Việt Nam. Từ nhiệm vụ ổn định an ninh, chính trị đến đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, từ các biện pháp trong lĩnh vực kinh tế đến các biện pháp trong lĩnh vực văn hoá xã hội. Sau đây, tác giả xin trình bày về một số biện pháp bảo vệ chủ quyền quốc gia trong giai đoạn hiện nay, khi mà chủ động hội nhập quốc tế được coi là một quá trình không thể đảo ngược.

3.3.1. Các biện pháp trong lĩnh vực ngoại giao

Chúng ta phải có một chiến lược ngoại giao tích cực, chủ động, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ, làm bạn với tất cả các quốc gia trên thế giới trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, đóng góp tích cực cho hòa bình và phát triển của cả nhân loại.

3.3.2. Các biện pháp trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh chính trị.

Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ tổ quốc là nhiệm vụ hàng đầu đối với mọi quốc gia, đặc biệt đối với Việt Nam khi mà các thế lực thù địch trong và ngoài nước vẫn chưa từ bỏ ý định chống phá ta về nhiều mặt. Xu thế toàn cầu hoá tạo ra một môi trường quốc tế thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ.

- *Đối với việc xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân thích ứng với điều kiện hội nhập quốc tế.*

Tăng cường quan hệ và hợp tác với các quốc gia khác, các tổ chức quốc tế nhằm tranh thủ sự hợp tác và giúp đỡ quốc tế để giải quyết những vấn đề xã hội như hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh, môi trường...

Tiếp tục nâng cao nhận thức cho nhân dân, cho các lực lượng vũ trang để hiểu một cách sâu sắc lịch sử, niềm tự hào dân tộc, để mỗi người dân có thêm sức mạnh, niềm tin trong cuộc sống “yên bình” nhưng không kém phần gay go, quyết liệt.

Trong quan hệ kinh tế thương mại, đặc biệt là trong quốc phòng, luôn phải cân nhắc so sánh chọn lựa giữa mục tiêu và phương tiện, nguyên tắc và phương pháp, tình thế trước mắt và chiến lược lâu dài. Trong bối cảnh thế giới phức tạp và biến động đó, cần dự báo chiến lược để chủ động thích ứng và đối phó chọn lựa, phối hợp trong quan hệ song phương và đa phương. Những vấn đề lớn, phức tạp, nhạy cảm phải xuất phát từ quan điểm, đường lối của Đảng.

- *Đối với vấn đề giữ vững ổn định an ninh chính trị*

Ổn định an ninh chính trị tạo điều kiện quan trọng để có được một môi trường thu hút đầu tư nước ngoài, tăng cường hợp tác quốc tế, phát triển kinh tế và mọi mặt đời sống xã hội. Việt Nam có một nền chính trị ổn định đây là một thuận lợi to lớn của Việt Nam mà không phải nước nào cũng có. Cùng với nhiệm vụ ổn định chính trị Đảng và Nhà nước ta xác định tiếp tục mở rộng dân chủ, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, chống lại luận điệu của các thế lực thù địch cho rằng Việt Nam không có dân chủ, nhân quyền bị xâm phạm.

- *Đối với việc bảo đảm an trật tự - an toàn xã hội.*

Đảm bảo trật tự - an toàn xã hội là nhiệm vụ quan trọng đối với mọi Nhà nước, trong mọi xã hội và ở mọi thời kỳ phát triển. Trật tự - an toàn xã hội dường như chỉ thuộc về lĩnh vực xã hội, nhưng trên thực tế, không đảm bảo trật tự - an toàn xã hội có thể là nguyên nhân sâu xa của những bất ổn về chính trị. Hơn thế nữa, lợi dụng bất ổn về trật tự - an toàn xã hội, các thế lực thù địch có cơ hội chống phá ta.

Để đảm bảo trật tự - an toàn xã hội, Nhà nước cần phải có các biện pháp toàn diện. Về lâu dài, phát triển kinh tế, tăng mức sống của người dân có thể giải quyết được một loạt các vấn đề xã hội, bên cạnh đó nhà nước cần chú trọng đến giáo dục, đào tạo. Giáo dục, đào tạo góp phần nâng cao dân trí, cải thiện kỹ năng lao động giúp cho người lao động có khả năng tiếp cận và làm chủ công nghệ mới, tăng năng xuất lao động, từ đó, họ sẽ có mức lương cao hơn, điều kiện sống từ đó sẽ khá hơn. Đồng thời, Nhà nước cần có những biện pháp nhằm nâng cao nhận thức của người dân, giáo dục lối sống lành mạnh, văn minh đối với người dân, thực hiện tốt công tác này sẽ làm giảm đáng kể tội phạm và tệ nạn xã hội.

Nhà nước cần có các biện pháp hạn chế bất công trong xã hội, sự chênh lệch giàu nghèo đang ngày càng trở lên trầm trọng giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp trong xã hội.

3.3.3. Các biện pháp trong lĩnh vực kinh tế.

Bên cạnh những tác động tích cực đối với phát triển kinh tế, toàn cầu hoá đang thực sự thách thức khả năng đảm bảo chủ quyền quốc gia trong lĩnh vực kinh tế. Chúng ta đã từng trả giá cho việc bị bao vây cấm vận về kinh tế và cô lập về chính trị. Nền kinh tế nước ta đã từng rơi vào khủng hoảng trầm trọng kéo theo nhiều khó khăn, tiêu cực xã hội. Hơn ai hết chúng ta lại thấm nhuần bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và với tinh thần chủ động và sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh, việc tham gia vào quá trình toàn cầu hóa sẽ giúp chúng ta lợi dụng được sự phân công lao động quốc tế mới và nếu biết đi tắt đón đầu một số ngành mũi nhọn hợp với khả năng và trình độ của ta, chắc chắn chúng ta sẽ tranh thủ được những cơ hội mà toàn cầu hóa tạo ra.

Ngoài các biện pháp mang tính định hướng đường lối chính sách thì việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật về kinh tế cũng vô cùng quan trọng.

3.3.4. Các biện pháp trong lĩnh vực văn hoá – tư tưởng

Lĩnh vực văn hoá -tư tưởng là một trong những lĩnh vực nhận được sự quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia đặc biệt trong thời đại toàn cầu hoá. Chính vì vậy, đã có hẳn một Nghị quyết Trung ương về “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” (Nghị quyết trung ương 5 khoá VIII).

Những chủ trương, chính sách kịp thời, đúng đắn và sáng suốt của Đảng nhằm mở rộng giao lưu văn hoá, nghệ thuật, chống “diễn biến hoà bình” trên mặt trận văn hoá, phê phán kịp thời những hiện tượng tiêu cực trong đời sống văn hoá, vừa tạo điều kiện cho nền văn hoá Việt Nam tiếp thu và hội nhập vào nền văn hoá thế giới, vừa chống lại những biểu hiện tiêu cực do xu thế toàn cầu hoá đem lại. Để làm được điều này, Đảng, Nhà nước cần xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật về văn hoá, cụ thể, sửa đổi và ban hành các văn bản pháp luật về văn hoá phù hợp với tình hình mới như: Luật Báo chí, Luật xuất bản... Thông qua việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật về văn hoá, cương quyết đấu tranh, phòng ngừa các loại hình phản văn hoá, trừng trị nghiêm minh các hành vi mua bán, trao đổi, tàng trữ và truyền bá các văn hoá phẩm đồi trụy, phản động.

3.3.5. Áp dụng pháp luật quốc tế để bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá ngày càng sâu rộng và nước ta hội nhập mãnh mẽ hơn vào đời sống quốc tế, luật pháp quốc tế sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và lợi ích quốc gia của Việt Nam đặc biệt khi mà sức mạnh kinh tế, quân sự của ta còn thua kém nhiều nước khác thì việc áp dụng pháp luật quốc tế càng có ý nghĩa, cụ thể là:

Tóm lại, qua thực tiễn những năm qua cho chúng ta nhận thức rằng cần chú trọng kết hợp đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn dân, của cả hệ thống chính trị về thực hiện nhiệm vụ củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục tư tưởng chính trị, nâng cao lòng yêu nước và lý tưởng xã hội chủ nghĩa cho mọi công dân, thấm nhuần sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ không thể tách rời giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, triển khai thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng đi đôi với bảo vệ Tổ quốc. Tích cực khắc phục khuynh hướng xem nhẹ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, không quan tâm đầy đủ đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong hoạt động kinh tế và văn hóa hoặc chỉ thiên về lợi ích kinh tế, bất chấp hậu quả đối với quốc phòng, an ninh.

Thứ ba, xây dựng các kế sách đối phó có hiệu quả với mọi tình huống, bảo vệ Tổ quốc cả trong thời bình và thời chiến.

Thứ tư, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện, nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, chủ động đánh thắng địch trong mọi hoàn cảnh, tình huống.

Thứ năm, kiên định đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế trên cơ sở xác định trọng tâm, trọng điểm, hoạt động sáng tạo, linh hoạt, lấy lợi ích dân tộc làm tiêu chí hàng đầu cho việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại.

Tiếp tục đưa quan hệ với các nước, đặc biệt là các nước láng giềng, khu vực và các nước lớn đi vào chiều sâu ổn định, bền vững trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi. Mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển, phong trào không liên kết, các đảng cộng sản, công nhân, cánh tả, tích cực tham gia các diễn đàn quốc tế và khu vực.

Kiên trì giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ trên cơ sở thương lượng hòa bình và luật pháp quốc tế, kết hợp chặt chẽ các biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng trong việc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Kết hợp linh hoạt giữa kiên quyết đấu tranh với sự kiên trì, chủ động đối thoại, vận động dư luận trong các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, đẩy lùi các âm mưu lợi dụng những vấn đề này can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

Thứ sáu, đổi mới phương thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước với hoạt động quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Kết luận

Tóm lại, quan niệm chủ quyền ngày nay được hiểu một cách linh hoạt hơn. Với sự chủ động hội nhập, các quốc gia có thể tự nguyện hạn chế một phần quyền lực của mình, nhưng không có nghĩa là chủ quyền quốc gia bị mất đi hoặc bị hạn chế. Sự tự hạn chế đó của quốc gia là để được những lợi ích cao hơn. Quốc gia có thể bị hạn chế quyền lực ở lĩnh vực này nhưng lại thu được nhiều lợi ích từ những lĩnh vực khác. Vấn đề là ở chỗ quốc gia cần phải có những điều chỉnh hợp lý để có thể tận dụng được những lợi thế của quá trình toàn cầu hoá và giảm thiểu rủi ro. Trong thời đại toàn cầu hoá với biên giới khai thông vai trò của nhà nước quan trọng hơn bao giờ hết. Một bộ máy nhà nước năng động, thông minh và chất lượng; một nền hành chính công tinh gọn, hiệu quả cao; một hệ thống pháp luật minh bạch, đồng bộ; một hệ thống chính sách đồng bộ, hiệu quả là một mô hình lý tưởng trong thời đại toàn cầu hoá.

Việt Nam đã có những bước đi tích cực trong quá trình hội nhập và đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn là một nước kém phát triển, còn tụt hậu khá xa so với nhiều nước trong khu vực, trong khi yêu cầu về phát triển nhanh và bền vững rất cấp bách, yêu cầu về hội nhập với nền kinh tế khu

vực và thế giới ngày càng khẩn trương và sâu rộng. Trước tình hình đó, Việt Nam cần có lộ trình hợp lý để có thể phát huy tối đa nội lực, tận dụng ngoại lực đưa đất nước đi lên.